TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2026/HNGĐ-ST.
Ngày 25/8/2026.
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phước Thị Kim Huê;

2. Ông Tăng Hoàng Triều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ý Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long *tham gia phiên toà:* Ông Cao Văn Nở – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13 -Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 594/2026/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2026, về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2026/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 102/2026/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 01/01/1980; Địa chỉ: Ấp Hạnh M, xã Mỹ L, tỉnh Vĩnh Long. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Tuấn K, sinh ngày 01/01/1980; Địa chỉ: Ấp Hạnh M, xã Mỹ L, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2005, chị và anh Trần Tuấn K được sự mai mối của hai bên gia đình nên tiến tới hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục

tập quán. Sau khi cưới chị và anh K mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Nng (nay là xã Cầu Nng, tỉnh Vĩnh Long), vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, hai vợ chồng sống chung rất hạnh phúc và có hai con chung tên Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 14/3/2005 và Trần Gia Bảo, sinh ngày 27/3/2010. Đến năm 2021, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả nhau. Chị đã nhiều lần nhẫn nhịn nhưng không có kết quả nên vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không liên lạc. Nay chị yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Tuấn K.

- Về con chung tên: Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 14/3/2005 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Trần Gia Bảo, sinh ngày 27/3/2010, hiện tại chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà, bị đơn anh Trần Tuấn K vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Tuấn K. Về con chung giao cháu Trần Gia Bảo, sinh ngày 27/3/2010 cho chị N nuôi dưỡng (phù hợp nguyện vọng của cháu Bảo). Riêng cháu Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 14/3/2005 đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con: do chị N không có yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Tuấn K là bị đơn trong vụ án nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Trần Tuấn K, địa chỉ: Ấp Hạnh Mỹ, xã Mỹ Long, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Vào năm 2005, chị N và anh K xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Từ đó xác định hôn nhân giữa chị N và anh K là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả nhau nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không liên lạc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Trần Tuấn K.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trần Tuấn K đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh K có xảy ra mâu thuẫn về lối sống nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân và không liên lạc với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định chị không còn tình cảm với anh K, chị quyết xin ly hôn với anh K. Quá trình giải quyết vụ án, anh K đều vắng mặt không lý do thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, về hôn nhân xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Tuấn K.

[4] Về con chung tên: Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 14/3/2005, đã trưởng thành chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Trần Gia Bảo, sinh ngày 27/3/2010, hiện tại chị N đang nuôi dưỡng,

chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy thời gian vợ chồng chị N sống ly thân, chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, đảm bảo sự phát triển tốt của con. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Bảo có nguyện vọng sống chung với chị N. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Về con chung xử cho chị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Gia Bảo, sinh ngày 27/3/2010.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị N không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2025;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Tuấn K.

- Về con chung tên: Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 14/3/2005, đã trưởng thành chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Gia Bảo, sinh ngày 27/3/2010 khi ly hôn.

Anh Trần Tuấn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000014, ngày 01 tháng 7 năm 2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Chị N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 13- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.